TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/HS-PT
Ngày 17 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 998/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 đối với vụ án Phạm Thị Thu D cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu D, Nguyễn Thị Thùy T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 450/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1133/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1**. Phạm Thị Thu D**; Giới tính: nữ; Tên gọi khác: Kim Y; Sinh ngày 25/6/1971 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: A Ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam và Hàn Quốc, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Công B và bà Nguyễn Thị E (sinh năm 1943, đã chết); Bị cáo có chồng và 02 người con (con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 27/3/2023; (bị cáo rút kháng cáo, không triệu tập).

2. **Nguyễn Thị Thùy T**; Giới tính: nữ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 15/02/1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: H Đường số F, KP4, B, thành phố T, TP .; Quốc tịch: Hàn Quốc; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị N; bị cáo có chồng (đã ly hôn năm 1998 và năm 2010); có 01 người con sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 12/4/2023; (có mặt).

3. **Trang A V4**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 21/11/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: E N, Phường G, Quận E, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trang Văn V và bà Nguyễn Thị Bích V1; bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

4. **Lê Minh V2**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 11/6/1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 132/27/9 T, T, Quận G, TP .; Nơi cư trú: Lô E, lầu 4, Chung cư P T, phường T, Quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công chức Hải quan; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Bá T1 và bà Nguyễn Thị N1; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến ngày 10/9/2024 được trả tự do tại phiên tòa; (có mặt).

5. **Đặng Hồng Q**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 29/10/1968 tại Hà Nội; Nơi thường trú: F X, Phường B, quận B, TP .; Nơi cư trú: P, căn nhà tại địa chỉ F đường X, Phường B, quận B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Công chức Hải quan; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Đình V3 (đã chết) và bàThái Thị Sơn bị cáo có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hồng Q: Luật sư Đoàn Huy H1, công tác tại Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; (có mặt).

6. **Phan Đằng G**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 24/11/1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: B L, Phường C, quận G, TP .; Nơi cư trú: I T, Phường C, quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Công chức Hải quan; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Tư G1 và bà Bùi Ngọc D1; Bị cáo có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phan Đằng G: Luật sư Nguyễn Thành C, công tác tại Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; (có mặt).

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Phan Thị Thanh T2, Trần Thị K không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác tuần tra kiểm sát, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 27/3/2023, Công an quận T kiểm tra, bắt quả tang Trang Anh V4 vận chuyển 02 kiện hành lý bên trong có thực phẩm chức năng, giày dép, kem đánh răng, mắt kính, điện thoại di động các loại. V4 khai không thực hiện thủ tục khai báo nhập cảnh đối với 02 kiện hành lý này khi làm thủ tục nhập cảnh từ Hàn Quốc về Việt Nam tại Sân bay T.

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 27/3/2023 tại cửa ga đến Sân bay Quốc tế T, Công an quận T tiếp tục phát hiện Phạm Thị Thu D cùng Trần Thị K, Phan Thị Thanh T2 nhập cảnh từ Hàn Quốc về Việt Nam trên chuyến bay VN409 ngày 27/3/2023 đang đẩy hành lý có vali, túi xách giao cho đối tượng Võ Thanh T3 và Trương Văn C1 có dấu hiệu nghi vấn nên tiến hành kiểm tra.

Kết quả kiểm tra phát hiện Phạm Thị Thu D vận chuyển 4 kiện hành lý ký gửi (bên trong có 224 hộp thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/hộp) và 30 cái điện thoại S2 10 + 5G); Trần Thị K vận chuyển 3 kiện hành lý ký gửi (bên trong có 72 hộp thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/hộp và 16 cái điện thoại S2 10 + 5G (có 13 cái loại 256GB và 03 cái loại 512GB); và Phan Thị Thanh T2 vận chuyển 4 kiện hành lý ký gửi (bên trong có 211 hộp thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/hộp) và 16 cái điện thoại Samsung Galaxy Note 10 + 5G; 02 cái điện thoại Samsung Galaxy A90 5G và 14 cái điện thoại hiệu LG.

Tiến hành điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Nguyễn Thị Thùy T, Phạm Thị Thu D, Phan Thị Thanh T2, Trần Thị K và T Anh V4 là những đối tượng thường xuyên vận chuyển hàng hóa (rau, hoa quả, các loại hạt, bánh kẹo…) từ Việt Nam qua Hàn Quốc bán; đồng thời nhận làm dịch vụ vận chuyển hàng hóa (sâm, quần áo, mỹ phẩm, thực phẩm…) của một số cá nhân người Hàn Quốc, người Việt Nam lao động tại Hàn Quốc về lại Việt Nam giao lại cho các cá nhân theo chỉ định của họ. Các đối tượng biết rõ phải thực hiện thủ tục khai báo hải quan khi nhập cảnh theo quy định, tuy nhiên vẫn thực hiện hành vi phạm để được hưởng phí vận chuyển.

Vào ngày 25/3/2024, Nguyễn Thị Thùy T nhận vận chuyển 12 kiện hàng thực thẩm chức năng là thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/hộp của K1 (chưa rõ lai lịch) tại Hàn Quốc với phí vận chuyển là 7.500WON, tương đương 150.000đ/1 kg. T trực tiếp vận chuyển 01 kiện với 60 hộp thuốc bổ gan từ Hàn Quốc về Việt Nam nhưng không khai báo Hải quan. Sau đó, T thuê Phạm Thị Thu D vận chuyển 11 kiện hàng hóa còn lại từ Hàn Quốc về Việt Nam

giao cho Kim B1 với phí vận chuyển là 6.500WON tương đương khoảng 110.000đ/1 kg (T hưởng phí chênh lệch 1.000Won tương đương khoảng 16.000đ/1 kg), khi vận chuyển về Việt Nam, T sẽ nhận hàng và thanh toán tiền vận chuyển cho D.

Sáng ngày 27/3/2023, tại Sân bay I - Hàn Quốc, D nhận 11 kiện hàng hóa thuốc bổ gan từ người của K1 để sẵn hàng tại sân bay và 62 chiếc điện thoại từ người của S rồi chia đều cho D, K, T2 đứng tên vận chuyển từ Hàn Quốc về Việt Nam. Ngoài ra, D còn được S (đối tượng tại Hàn Quốc) thuê vận chuyển 62 điện thoại Samsung Note10 5G (đã qua sử dụng) từ Hàn Quốc về Việt Nam giao cho một người tên T4 (Hoàng Trương T4) số điện thoại: 0869674696, tại địa chỉ G N, Phường D, T; T2 còn nhận vận chuyển cho L (người Việt Nam, quốc tịch Hàn Quốc, facebook "Ruby Luyen", chưa xác định lai lịch) 02 điện thoại di động Samsung Galaxy A90 5G và 14 điện thoại hiệu LG đều đã qua sử dụng với chi phí 100.000 đồng/01 chiếc, khi về Việt Nam sẽ có người của Luyến chủ động liên hệ nhận hàng.

Để không phải khai báo hải quan đối với số hàng hóa nêu trên và do quen biết Lê Minh V2 là công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế T7, nên trước khi xuống máy bay, Phạm Thị Thu D nhắn tin và được V2 nhắn tin trả lời là "M5", tức là đưa hàng hóa qua máy soi chiếu số 5. Do đó khi vào nhà Ga sân bay, D đã thông báo cho K, T2 và V4 đưa hàng hóa đi qua máy soi chiếu số 5, đang do các công chức hải quan là Đặng Hồng Q và Phan Đằng G được phân công trực.

Mặc dù không được phân công nhiệm vụ trực máy soi chiếu số 5, nhưng do D và V4 đã liên hệ từ trước nên Lê Minh V2 (công chức hải quan được phân công trực khu vực hầm) đã tự ý đến khu vực máy soi số E, trực tiếp kiểm tra 01 kiện hàng của D, Đặng Hồng Q có mặt tại vị trí kiểm tra nhưng không kiểm tra các kiện hàng còn lại để toàn bộ lô hàng trong 11 kiện hàng của Phạm Thị Thu D và 04 kiện hàng của T Anh V4 được thông quan.

Sau khi hàng thông quan, D, K, T2 và V4 chuyển hàng ra cột số 10 đi qua bãi xe tập kết để người làm của T đến nhận. Đối với mặt hàng điện thoại di động, D yêu cầu T2 và K giao lại toàn bộ điện thoại di động để D bỏ vào chung 1 vali xách tay để D vận chuyển qua luồng xanh (không qua soi chiếu) ra ngoài giao cho người làm của T giữ hộ.

Đối với Phan Đằng G là công chức Hải quan được phân công trực máy soi chiếu số 5 cùng Đặng Hồng Q, tuy nhiên, do có chuyên án ma túy, nên Giao được Lãnh đạo phân công thêm nhiệm vụ theo dõi, giám sát đối tượng sẽ xuống Sân bay Quốc tế T trên chuyến bay QR970 từ Dubai về Việt Nam tại máy soi chiếu luồng đỏ số 6. Tuy nhiên, tại thời điểm từ 14 giờ đến 15 giờ 14 phút ngày 27/3/2023, Giao có mặt tại máy soi chiếu số 5 nhưng không thực hiện kiểm tra hàng hóa thực tế đối với 02 kiện hành lý của D để 02 kiện hàng này được thông quan, lúc này T2, K đã bị Cơ quan Công an bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Phạm Thị Thu D, Phan Thị Thanh T2, Trần Thị K, Nguyễn Thị Thùy T, Trang Anh V4 và Phan Đăng G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra Phạm Thị Thu D còn khai nhận: trung bình D vận chuyển hàng từ Hàn Quốc về Việt Nam 03 hoặc 04 lần/1 tuần, D đều gọi nhờ V2 để hàng hóa thông quan được thuận lợi, trường hợp V2 không có ca trực thì D sẽ đưa tiền trực tiếp cho cán bộ hải quan trực ngày hôm đó. Trang Anh V4 khai ngày 26/3/2024, V4 nhận vận chuyển cho Kim Hee S1 (sống tại Hàn Quốc) 04 kiện hàng với phí vận chuyển là 120.000 đồng/kg, 06 điện thoại di động với phí vận chuyển 200.000 đồng/chiếc và khi nào quay lại Hàn Quốc, V4 sẽ gặp Kim Hee S1 nhận tiền phí vận chuyển. V4 nhắn tin cho V2 nhờ V2 thông quan mà không bị kiểm tra. Văn báo giá 2.000.000 đồng/01 kiện hành lý nhưng V4 không đồng ý nên V2 hướng dẫn V4 liên hệ D để đi cùng D khi thông quan. Sáng ngày 27/3/2024, V4 gặp và trao đổi với D và được D đồng ý cho V4 đi chung hàng hóa. Lời khai của Lê Minh V2 phù hợp với lời khai của Phạm Thị Thu D và T Anh V4. Đặng Hồng Q khai không biết chủ hàng, không bàn bạc thống nhất với chủ hàng, không bàn bạc thống nhất với Lê Minh V2 trong việc thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Thị Thùy T tại địa chỉ H Đường số F, KP4, B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và niêm phong, tạm giữ 58 hộp thuốc bổ gan Samsung Pharm loại 1.100mg/ hộp; khám xét khẩn cấp tại nhà Phạm Thị Thu D không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan.

- Tiến hành trích xuất dữ liệu camera, ghi nhận ngày 27/3/2023 thể hiện hình ảnh các bị can lần lượt đưa 15 kiện hàng qua khu vực máy soi chiếu số 5, phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội nêu trên.

- Kết quả xác minh về xuất nhập cảnh từ Hàn Quốc vào Việt Nam của các bị can, như sau: Phạm Thị Thu D có 23 lượt nhập cảnh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 27/3/2023; Trần Thị K có 14 lượt nhập cảnh từ ngày 06/01/2023 đến ngày 27/3/2023; Phan Thị Thanh T2 có 31 lượt nhập cảnh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 27/3/2023; Nguyễn Thị Thùy T có 02 lượt nhập cảnh từ ngày 15/01/2023 đến ngày 25/3/2023; T Anh V4 có 10 lượt nhập cảnh từ ngày 06/01/2023 đến 27/3/2023.

- Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự:

+ Kết quả định giá số 29/KL-HDĐGTS ngày 29/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T xác định tổng giá trị hàng hóa là 990.920.000 đồng, trong đó: 607 hộp thuốc thực phẩm chức năng Samsung loại 96 viên/hộp 1.100mg, có giá: 588.183.000 đồng; 59 điện thoại Samsung Note 10 5G 256GB, có giá: 326.742.000 đồng; 03 điện thoại Samsung Note 10 5G 512 GB, có giá: 20.745.000 đồng; 02 điện thoại Samsung A90 5G 128GB, có giá: 7.244.000 đồng; 14 điện thoại LG 8GB/128GB, có giá: 48.006.000 đồng.

+ Ngày 23/5/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T có Văn bản số 485/HĐTTHS điều chỉnh lại như sau: "Collagen hiệu Hanami Collagen AmPoule, dung tích 25ml/lọ (Hộp 28 lọ x 25ml), đơn giá: 2.237.000đ/hộp". Căn cứ kết quả điều chỉnh giá tài sản nêu trên, xác định: 25 lọ có trị giá là 1.998.000 đồng, trị giá toàn bộ số hàng hóa do Trang Anh V4 thực hiện hành vi vận chuyển trái phép từ Hàn Quốc về Việt Nam gồm thực phẩm chức năng, giày dép, kem đánh răng, mắt kinh, điện thoại di động các loại, tổng trị giá 288.131.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 514/CT-VKS-P3 ngày 29/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo như sau:

Các bị cáo Phạm Thị Thu D, Phan Thị Thanh T2, Trần Thị K, Nguyễn Thị Thùy T, Lê Minh V2, Đặng Hồng Q bị truy tố về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trang Anh V4 bị truy tố về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Phan Đằng G bị truy tố về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra cáo trạng còn xác định:

Đối với Võ Trí T5 và Trương Văn C1 là người làm của Nguyễn Thị Thùy T, khai được Nguyễn Thị Thùy T thuê lái xe ô tô Toyota Innova biển số 51A-490.45 của T đi nhận và giao hàng và nhận tiền công hàng tháng. Ngày 27/3/2023, T yêu cầu T5 và C1 lái xe đến Cột số 10 Sân bay Quốc tế T chờ nhận hàng hóa; cả hai không biết hàng hóa có khai báo hải quan không. Trước đó, vào ngày 23/3/2023, C1 cùng T5 nhận 06 thùng, giao 05 thùng cho Kim B1 tại địa chỉ 19E, DD4, KDC A, Tổ A, Khu phố D, phường T, Quận A, còn 01 thùng Bổng không nhận nên C1 chở thùng hàng này về nhà của T tại 85 đường 6, KP4, B, TP .. Quá trình điều tra, chưa đủ cơ sở xử lý hình sự đối với Võ Trí T5 và Trương Văn C1.

Đối với Hoàng Trương T4 là đối tượng được chỉ định nhận 62 điện thoại di động do Phạm Thị Thu D vận chuyển thuê từ S. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm T4 nhưng đến nay T4 chưa đến làm việc nên Cơ quan điều tra tách hành vi có dấu hiệu buôn lậu của đối tượng T4 theo quy định.

Đối với Phạm Kim B1, các đối tượng tên "K1", "S", "L" có hành vi thuê D, T, T2 vận chuyển hàng hóa về Việt Nam, đến nay chưa có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận, móc nối giữa các đối tượng. Phạm Kim B1 không thừa nhận có quen biết với các bị can, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với "K1", "S", "Luyến" để làm rõ sai phạm của các đối tượng. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với các cán bộ Hải quan có liên quan đến công kiểm tra hành lý khách hàng: quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định các cán bộ này có hành

vi cấu kết, thông đồng, có nhận tiền hay lợi ích vật chất từ Phạm Thị Thu D và các bị can khác. Tuy nhiên, các cán bộ này vẫn phải chịu trách nhiệm về sai sót trong công tác quản lý, tạo điều kiện để các bị can thực hiện hành vi phạm tội nên Chi cục Hải quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế T7 đã tổ chức họp kiểm điểm, yêu cầu từng cá nhân liên quan ca trực nhận thức về trách nhiệm cá nhân có liên quan.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 450/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Phạm Thị Thu D 07 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn Thị Thùy T 04 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2023

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Lê Minh V2 1.500.000.000 đồng về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới". Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: xử phạt Đặng Hồng Q 1.500.000.000 đồng về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: T Anh V4 200.000.000 đồng về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

Căn cứ khoản 1 Điều 360; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Phan Đằng G 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường C2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được cho hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục tạm giữ đối với 01 hộp carton chứa đầu camera (đã được niêm phong có chữ ký của Lê Thị T6, Nguyễn Vũ Đình H2, Nguyễn Thùy D2) để tiếp tục xác minh làm rõ đối với Phạm Kim B1.

(theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/518 ngày 04/09/2024 của cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tại K L, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tiếp tục phong tỏa số tiền trong sổ tiết kiệm số TA 05062584 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 của bị cáo Đặng Hồng Q, số tiền bị phong tỏa là 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ hai trăm triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đặng Hồng Q.

Tiếp tục phong tỏa số tiền trong sổ tiết kiệm số IX 35189 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á của Bà Nguyễn Thị N1, số tiền bị phong tỏa là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ năm trăm triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Lê Minh V2.

Tiếp tục phong tỏa số tiền trong tài khoản số 0501000161393 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 của bị cáo Trang Anh V4, số tiền bị phong tỏa là 200.000.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trang Anh V4.

Chấm dứt phong tỏa đối với số tiền trong sổ tiết kiệm số AAE1407696 (số tài khoản 813006295003) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ của bà Phan Thị Thùy D3, số tiền bị phong tỏa: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ đồng).

(*các tài khoản trên bị phong tỏa theo các lệnh phong tỏa số 2464/2024/HSST-LPT, 2463/2024/HSST-LPT, 2462/2024/HSST-LPT, 2461/2024/HSST-LPT cùng ngày 06/09/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Phan Thị Thanh T2, Trần Thị K; về xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thu D, bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/9/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được quyết định kháng nghị số 25/QĐ-VKS-P3 ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng: Áp dụng hình phạt tù đối với 04 bị cáo gồm: Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, Trang A, Phan Đằng G; không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 03 bị cáo: Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, Trang Anh V4 và không cho bị cáo Phan Đằng G được hưởng án treo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Thu D có đơn xin rút kháng cáo ngày 19/9/2024. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo số 43/2024/TB-TA ngày 29/11/2024.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 25/QĐ-VKS-P3 ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, Trang A, Phan Đằng G trình bày án sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng tội, không oan và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng quy định.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Bị cáo D đã rút kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm. Bị cáo T vận chuyển 12 kiện hàng có tổng giá trị hơn 588 triệu đồng, hàng phạm pháp có giá trị lớn, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới và mức án đã tuyên 04 năm tù là tương xứng, phù hợp đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Đối với kháng nghị: Đối với bị cáo V2 và bị cáo Q là cán bộ Hải quan có chức năng kiểm tra, giám sát hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhưng các bị cáo không làm đúng chức năng nhiệm vụ, câu kết với bị cáo D, V4 và Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục được làm việc là phù hợp nhưng mức phạt 1,5 tỷ đồng là nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị sửa án phần hình phạt bị cáo V2 và Q từ 2 tỷ đến 2,5 tỷ đồng. Đối với bị cáo V4 mức án phạt 200 triệu đồng là mức cao nhất của khung phạt tiền nên không có cơ sở chấp nhận kháng nghị, Viện kiểm

sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút phần kháng nghị đối với bị cáo V4. Đối với bị cáo G cấp sơ thẩm xử phạt 02 năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" nhưng cho hưởng án treo là nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị buộc chấp hành hình phạt tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Hồng Q tranh luận: Xét mức án phạt đối với bị cáo Q 1,5 tỷ đồng là đã có cân nhắc, xem xét đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đúng pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị giữ y mức án sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Hồng Q tranh luận: mức phạt tiền như án sơ thẩm là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Đằng G tranh luận: kháng nghị cho rằng bị cáo G cố ý thực hiện hành vi phạm tội là không đúng vì bị cáo không làm hết trách nhiệm nên bị truy tố về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", bị cáo G chỉ bỏ qua 02 kiện hàng nhưng liền trước đó bị cáo G giám sát luồng số 6, kiện số 1 khi giám sát có bị phân tâm có lỗi là có, kiện 2 thì bị lơ là do thiếu kinh nghiệm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, án sơ thẩm cho hưởng án treo là có cơ sở, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Đằng G tranh luận: do chưa đủ kinh nghiệm trong xử lý công việc này mới 20 ngày và tình huống xảy ra nhanh, mong Hội đồng xét xử giữ y mức án treo như án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T tranh luận: gia cảnh của bị cáo khó khăn, cha mẹ già lớn tuổi, có 01 con sinh năm 1992 không lao động được, bản thân bị cáo là lao động chính lo gia đình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Minh V2 tranh luận: gia cảnh bị cáo khó khăn, cha mẹ già, 02 con nhỏ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: giữ y quan điểm đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu D, Nguyễn Thị Thùy T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị cáo Phạm Thị Thu D vào ngày 19/9/2024 đã có đơn tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo về việc rút kháng cáo số 43/2024/TB-TA ngày 29/11/2024, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thu D.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Trang Anh V4, Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, Phan Đằng G đều khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nêu, cụ thể:

Vào ngày 25/3/2023, Nguyễn Thị Thùy T đã nhận vận chuyển 12 kiện hàng thực thẩm chức năng là thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/hộp từ đối tượng tên K1 (chưa rõ lai lịch) tại Hàn Quốc. T trực tiếp vận chuyển trước 01 kiện với 60 hộp thuốc bổ gan từ Hàn Quốc về Việt Nam nhưng không khai báo Hải quan. Sau đó, T đã không trực tiếp vận chuyển mà thuê nhờ Phạm Thị Thu D vận chuyển 11 kiện hàng hóa còn lại từ Hàn Quốc về Việt Nam thì D bị phát hiện, theo kết quả định giá xác định được trị giá của số hàng hóa vận chuyển trái phép 588.183.000 đồng. Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 27/3/2023, Công an quận T bắt quả tang Trang Anh V4 vận chuyển trái phép 04 kiện hành lý gồm: thực phẩm chức năng 25 lọ Collagen hiệu Hanami Collagen AmPoule, dung tích 25ml/lọ; giày dép, quần áo, điện thoại di động các loại..), theo kết quả định giá xác định được là 288.131.000 đồng. Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 27/3/2023, Công an quận T tiếp tục phát hiện bắt quả tang Phạm Thị Thu D, Trần Thị K, Phan Thị Thanh T2 vào ngày 27/3/2023 do D đã nhận vận chuyển thuê cho Nguyễn Thị Thùy T gồm: 607 hộp thuốc bổ gan SAMSUNGPHARM loại 1.100mg/ hộp và 62 cái điện thoại Galaxy Note 10+5G từ Hàn Quốc về Việt Nam cho khách hàng để nhận tiền công vận chuyển, tổng giá trị hàng hóa là 935.670.000 đồng. D, T2 còn nhận vận chuyển cho đối tượng tên L 02 điện thoại di động hiệu Galaxy A90 5G và 14 điện thoại di động hiệu LG với tổng trị giá được xác định là 55.250.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Phạm Thị Thu D, Nguyễn Thị Thùy T, Trần Thị K, Phan Thị Thanh T2, Trang A V4 có đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo khoản 1 Điều 189 đối bị cáo V4, theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo D, T, K, T2 là có đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Lê Minh V2, Đặng Hồng Q và Phan Đằng G là công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế T7, trong đó D, V4 do quen biết V2 và để không phải khai báo hải quan đối với số hàng hóa nêu trên và trước khi xuống máy bay D nhắn tin và được V2 nhắn tin trả lời là "M5", tức là đưa hàng hóa qua máy soi chiếu số 5. Do đó khi vào nhà Ga sân bay, D đã thông báo cho K, T2 và V4 đưa hàng hóa đi qua máy soi chiếu số 5, đang do các công chức Hải quan là Đặng Hồng Q và Phan Đằng G được phân công trực. V2 đã tự ý đến khu vực máy soi số 5, trực tiếp kiểm tra 01 kiện hàng của D, Đặng Hồng Q có mặt tại vị trí kiểm tra nhưng không kiểm tra các kiện hàng còn lại để toàn bộ lô hàng trong 11 kiện hàng của Phạm Thị Thu D và 04 kiện hàng của T Anh V4 được thông quan. Giao có mặt tại máy soi chiếu số 5 nhưng không thực hiện kiểm tra hàng hóa thực tế đối với 02 kiện hành lý của D để 02 kiện hàng này được thông quan, lúc này T2, K đã bị Cơ quan Công an bắt giữ. Hành vi của bị cáo Lê Minh V2 và Đặng Hồng Q vì động cơ vụ lợi đã thỏa thuận với các bị cáo D, V4 không làm đúng chức năng nhiệm vụ được giao, giúp sức cho các bị cáo đưa số lượng

hàng hóa không kiểm tra tổng giá trị hàng hóa được xác định là 876.314.000 đồng đã phạm vào tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo V2 và G là có đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo G không biết việc thỏa thuận của bị cáo V2, Q nhưng không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ để hàng hóa không bị kiểm tra với giá trị của 02 kiện hàng được xác định là 108.528.000 đồng nên bị truy tố, xét xử về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T: Bị cáo T là người trực tiếp nhận vận chuyển 12 kiện hàng hóa là thực phẩm chức năng thuốc bổ gan tổng trị giá 588.183.000đồng, bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ được cấp sơ thẩm áp dụng đó là: trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt 04 năm tù, nhận thấy bị cáo T ý thức được việc nhập khẩu hàng hóa có điều kiện là thực phẩm chức năng phải khai báo, nhưng cố ý không thực hiện khai báo, mà tự vận chuyển 01 kiện hàng và thuê bị cáo D vận chuyển 11 kiện hàng để hưởng lợi, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ theo tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt 04 năm tù dưới khung hình phạt tù là không đúng quy định theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, nhưng do không có kháng nghị theo hướng tăng nặng đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét; đồng thời, tại cấp phúc thẩm bị cáo T không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, giữ y mức án trên và kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm theo thẩm quyền.

[2.3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, Trang Anh V4 và Phan Đăng G, không cho bị cáo Giao hưởng án treo nhận thấy:

[2.3.1] Đối với bị cáo Trang Anh V4 tại phần tranh luận Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút phần kháng nghị đối với bị cáo V4, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trang Anh V4.

[2.3.2] Đối với bị cáo Lê Minh V2, Đặng Hồng Q là công chức Hải quan đã thỏa thuận, giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo Phạm Thị Thu D, Trang Anh V4 và đồng phạm vận chuyển các kiện hàng từ Hàn Quốc về Việt Nam mà không bị kiểm tra, phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" với vai trò đồng phạm chịu trách nhiệm tổng giá trị hàng hóa được xác định là 876.314.000 đồng. Bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như các bị cáo thành khẩn khai báo, có nhiều thành tích trong công tác và gia đình có công

cách mạng theo điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt tiền 1,5 tỷ đồng là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị thay đổi hình phạt tiền thành hình phạt tù nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi một phần kháng nghị, đề nghị tăng mức phạt tiền đối với 02 bị cáo V2 và Q từ 2 tỷ đến 2,5 tỷ đồng. Căn cứ theo Điều 345 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ được xem xét giải quyết đối với nội dung có kháng cáo, kháng nghị nên chấp nhận phần thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát tăng mức hình phạt tiền đối với 02 bị cáo, trong đó bị cáo V2 phải chịu mức án phạt cao hơn bị cáo Q mới tương xứng với hành vi phạm tội.

[2.3.3] Đối với bị cáo Phan Đằng G là công chức Hải quan không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao để bị cáo D vận chuyển 02 kiện hàng không bị kiểm tra tổng giá trị hàng hóa được xác định là 108.528.000 đồng. Xét thấy, bị cáo G phạm tội do thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ và với tính chất mức độ hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, có nhiều thành tích trong công tác và gia cảnh có khó khăn theo điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt 02 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, bị cáo phạm có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung nên không chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng hình phạt tù đối bị cáo G.

[3] Với các nhận định trên là cơ sở để không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận rút kháng nghị đối với bị cáo V4 và một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo G; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo V2, bị cáo Q.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo luật định do kháng cáo không được chấp nhận, các bị cáo còn lại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thu D; rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trang Anh V4; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh V2, Đặng Hồng Q, cụ thể tuyên:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thu D, Trang Anh V4, Bản án hình sự sơ thẩm số 450/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phạm Thị Thu D, Trang Anh V4 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Phạm Thị Thu D 07 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2023.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Trang A V4 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

1.2 Căn cứ: Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Nguyễn Thị Thùy T 04 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành bản án.

1.3 Căn cứ: Khoản 3 Điều 189; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Lê Minh V2 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

1.4 Căn cứ Khoản 3 Điều 189; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: xử phạt Đặng Hồng Q 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

1.5 Căn cứ: Khoản 1 Điều 360; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt: Phan Đằng G 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường C2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được cho hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T theo quy định của pháp luật.

4. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước. Các bị cáo Phạm Thị Thu D, Trang Anh V4, Lê Minh V2, Đặng Hồng Q và Phan Đằng G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa-Công an TP. Hồ Chí Minh (tống đạt cho bị cáo);
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu HSVA, VTLT, (30b-TVN).